

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Trình

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lâm Thành Thông  
2. Ông Trần Văn Hưng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2023/TLST-HS ngày 22/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 29/01/2024 đối với bị cáo:

**Nguyễn Ngân G**, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **Số B, Khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn H** và bà **Nguyễn Thị Đ**; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: Ngày 06/3/2022 bị **Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố B** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, (Quyết định xử số 12/QĐ-XPHC, bị cáo chưa nộp phạt); nhân thân: ngày 10/8/2009 của **Ủy ban nhân dân thị xã B** (nay là **thành phố B**) đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, (Quyết định về việc áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc số 680/QĐ-UBND, chấp hành xong ngày 27/9/2011). Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* **Lê Thị N**, sinh năm 2000; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **số C, ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre**; chỗ ở hiện nay: Phòng trọ **số B, nhà T, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre**; chỗ ở hiện nay: Phòng trọ **số B, nhà T, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Có mặt

2. **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1973; nơi cư trú: **số B, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Có mặt

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; nơi cư trú: số D, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt
2. Thạch Thị Hồng T1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Phòng trọ số B, nhà T, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt
3. Nguyễn Minh T2, sinh năm 2003; nơi cư trú: số A, ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/8/2023, Nguyễn Ngân G đang nghỉ trưa tại phòng số 25 nhà trọ P ở ấp P, xã P, thành phố B nghe Lê Thị N, sinh năm: 2000, ĐKTT: Số 307/NT, ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre hiện đang tạm trú tại phòng số 27 nhà trọ P đang ngồi trước cửa phòng nói chuyện cùng gia đình hơi lớn tiếng nên G cầm theo một con dao đi qua phòng 27 và nói với gia đình N “nói chuyện nhỏ thôi, nhắc lần này thôi, lần nữa làm luôn” (G giải thích rằng làm luôn nghĩa là sẽ dùng dao đâm N) rồi quay trở về phòng. Khoảng 12 giờ 40 phút cùng ngày, G đang ngủ trưa trong phòng thì nghe N tiếp tục nói chuyện hơi lớn tiếng. Bực tức, G lấy 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 25cm, phần lưỡi dài 14cm, mũi nhọn bước ra khỏi phòng thấy N đang ngồi xồm trước cửa phòng số 28 của ông Nguyễn Văn T (cha của N), sinh năm: 1975, ĐKTT: Số D, ấp P, xã P, thành phố B nói chuyện với ông T. G đến vị trí N ngồi, tay trái đè vai N, tay phải cầm dao đâm liên tục 07 nhát vào vùng vai, cổ, đầu của N. Ông T ở trong phòng nhìn thấy G đâm N nhưng do trước cửa phòng có rào chắn bằng gỗ nên không thể đi ra can ngăn G. Ông T tri hô thì G dừng lại và cầm dao đi khỏi hiện trường, N được người nhà đưa đi Bệnh viện N1 cấp cứu.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) con dao bằng kim loại màu trắng dài 25 cm, phần lưỡi dài 14cm, mũi nhọn, có dòng chữ USA DESIGN 2008, phần cán dao dài 11 cm, có ốp gỗ hai bên; 01 (một) bao đựng dao màu nâu, mặt ngoài có ghi dòng chữ BUCK-KNIVES 2008. (Nguyễn Ngân G giao nộp).

Tại Kết luận giám định số 338-23/KLTTCT-TTYTBT ngày 11/10/2023 của Trung tâm pháp y Sỡ y tế tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính: 02 vết sẹo vai trái cạnh cột sống kích thước trung bình; Sẹo phẫu thuật vai trái kích thước lớn; Sẹo bả vai trái kích thước trung bình; 02 sẹo vai phải kích thước lớn; Vết thương cằm cổ còn rỉ dịch chưa liền sẹo kích thước nhỏ; Sẹo cằm cổ kích thước trung bình; Gãy mỏm ngang đốt sống cổ C1 không gây tổn thương thần kinh; Mẻ một phần xương bả vai trái.

2. Kết luận: căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Thị N tại thời điểm giám định là: 23% (Hai mươi ba phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

3. Kết luận khác: Phân tích tỷ lệ vết thương: 02 sẹo vai trái cạnh cột sống kích thước trung bình: mỗi sẹo 02% (Hai phần trăm) căn cứ chương 8 mục I.2. Sẹo phẫu thuật vai trái kích thước lớn: 03% (Ba phần trăm) căn cứ chương 8 mục I.3. Sẹo bả vai trái kích thước trung bình: 02% (Hai phần trăm) căn cứ chương 8 mục I.2. 02 sẹo vai

phải kích thước lớn: 03% (Ba phần trăm) căn cứ chương 8 mục I.3. Vết thương chằm cổ còn rỉ dịch chưa liền sẹo kích thước nhỏ: 01% (Một phần trăm) căn cứ chương 8 mục I.1. Sẹo chằm cổ kích thước trung bình: 02% (Hai phần trăm) căn cứ chương 8 mục I.2. Gãy mỏm ngang đốt sống cổ C1 không gây tổn thương thần kinh: 05% (Năm phần trăm) căn cứ chương 7 mục XII.5.1. Mẻ một phần xương bả vai trái: 03% (Ba phần trăm) căn cứ chương 7 mục I.6.1. Cơ chế hình thành vết thương do vật sắc nhọn gây ra.

Quá trình điều tra, **Nguyễn Ngân G** khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai bị hại, lời khai nhân chứng, phù hợp vật chứng thu giữ, Kết luận giám định và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Về xử lý vật chứng: đối với 01 (một) con dao bằng kim loại màu trắng dài 25 cm, phần lưỡi dài 14cm, đầu mũi nhọn, có dòng chữ USA DESIGN 2008, phần cán dao dài 11 cm, có ốp gỗ hai bên; 01 bao đựng dao màu nâu, mặt ngoài có ghi dòng chữ BUCK-KNIVES 2008 là công cụ **G** dùng để thực hiện hành vi phạm tội Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** tiếp tục tạm giữ để xử lý theo luật định.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại **Lê Thị N** yêu cầu **Nguyễn Ngân G** bồi thường 38.133.000 đồng, gồm: chi phí điều trị: 24.384.717 đồng; tiền thuốc điều trị ngoại trú: 462.000 đồng; tiền xe chuyển viện: 3.323.000 đồng; tiền ngày công lao động: 10.000.000 đồng. Bà **Nguyễn Thị Đ** (mẹ bị cáo **G**) đã thay **G** bồi thường cho **N** số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền còn lại **G** đồng ý nhưng chưa có tiền bồi thường; bà **Đ** không yêu cầu **G** bồi thường số tiền 3.000.000 đồng bà bỏ ra để bồi thường cho bị hại

- Anh **Nguyễn Văn L** (chồng bị hại **N**), sinh năm: 1997, ĐKTT: **ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre** không yêu cầu **G** bồi thường chi phí ngày công anh chăm sóc **N**.

Tại Bản cáo trạng số 02/CT-VKSTPBT ngày 22/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

**Tại phiên toà:**

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường phần trách nhiệm dân sự là 38.133.000 đồng. Bà **Nguyễn Thị Đ** (mẹ bị cáo **G**) đã thay **G** bồi thường cho **N** số tiền 3.000.000 đồng nên buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 35.133.000 đồng. Ghi nhận bị hại, bà **Đ**, anh **L** không có yêu cầu nào khác.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bằng kim loại màu trắng dài 25 cm, phần lưỡi dài 14cm, đầu mũi nhọn, có dòng chữ USA DESIGN 2008, phần cán dao dài 11 cm, có ốp gỗ hai bên; 01 bao đựng dao màu nâu, mặt ngoài có ghi dòng chữ BUCK-KNIVES 2008.

Bị cáo khai nhận việc bị cáo gây thương tích cho bị hại như cáo trạng nêu là đúng. Do bị cáo bức tức việc bị cáo đã nhắc nhở bị hại nói chuyện lớn tiếng làm ảnh hưởng đến việc nghỉ ngơi của bị cáo nhưng bị hại không nghe mà vẫn tiếp tục nói chuyện nên bị cáo đã dùng dao để đâm bị hại để thỏa cơn giận. Bị cáo chỉ có ý định gây thương tích cho bị hại để thỏa cơn giận, khi thấy bị hại ra nhiều máu, bị cáo sợ bị hại

chết nên không tiếp tục đâm bị cáo nữa và bỏ đi vì sợ người nhà của bị hại đánh lại bị cáo. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 35.133.000 đồng theo yêu cầu của bị hại.

Bị hại trình bày: việc bị cáo gây thương tích cho bị hại như cáo trạng nêu là đúng. Về trách nhiệm dân sự bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 35.133.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự bị hại yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Văn L** trình bày: anh là chồng của bị hại, anh là người chăm sóc bị hại trong thời gian nằm viện nhưng anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh các khoản thu nhập bị mất của bà trong thời gian chăm sóc cho bị hại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị Đ** trình bày: bà là mẹ của bị cáo, bà có thay bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng. Bà không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền này lại cho bà.

Người làm chứng **Nguyễn Văn T** trình bày: ông là cha của bị hại, sự việc bị cáo gây thương tích cho bị hại như cáo trạng nêu là đúng.

Người làm chứng **Thạch Thị Hồng T1** trình bày: sự việc bị cáo gây thương tích cho bị hại bà không chứng kiến trực tiếp, sau khi nghe tiếng của ông **T** la lên thì bà chạy ra mới thấy bị cáo đã bỏ đi và bị hai chảy máu nên bà kêu chồng của bị hại đưa bị hại đi bệnh viện.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: khoảng 12 giờ 40 phút ngày 25/8/2023, tại phòng số 28 nhà trọ **P** ở **ấp P, xã P, thành phố B** **Nguyễn Ngân G** đã có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm 07 nhát vào vùng vai, cổ, đầu của **Lê Thị N** gây thương tích 23%.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh người khác gây thương tích là hành vi vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhưng bị cáo lại dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm nhiều cái vào

người của bị hại gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 23%. Vì vậy, cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134 là có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, tạo sự hoài nghi, tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo không có tiền án nhưng có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và đã từng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng các tình tiết “Người phạm tội tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường phần trách nhiệm dân sự là 38.133.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ (mẹ bị cáo G) đã thay G bồi thường cho N số tiền 3.000.000 đồng nên buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 35.133.000 đồng. Ghi nhận bị hại, bà Đ, anh L không có yêu cầu nào khác.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bằng kim loại màu trắng dài 25 cm, phần lưỡi dài 14cm, đầu mũi nhọn, có dòng chữ USA DESIGN 2008, phần cán dao dài 11 cm, có ốp gỗ hai bên; 01 bao đựng dao màu nâu, mặt ngoài có ghi dòng chữ BUCK-KNIVES 2008 là hung khí và các vật dụng có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, xử lý vật chứng, hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngân G phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngân G 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các điều 357, 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Ngân G bồi thường cho chị Lê Thị N số tiền 35.133.000 (ba mươi lăm triệu một trăm ba mươi ba) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi

hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bằng kim loại màu trắng dài 25 cm, phần lưỡi dài 14cm, đầu mũi nhọn, có dòng chữ USA DESIGN 2008, phần cán dao dài 11 cm, có ốp gỗ hai bên; 01 bao đựng dao màu nâu, mặt ngoài có ghi dòng chữ BUCK-KNIVES 2008.

*(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre đang quản lý)*

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo **Nguyễn Ngân G** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo **Nguyễn Ngân G** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.756.000 (một triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P. Phú Khương, TP. Bến Tre (1b);
- Bị cáo, NTGTT (5b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Văn Trình**